

QUY ĐỊNH

Quản lý xây dựng theo đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Đông Giang, giai đoạn đến năm 2020 và năm 2030

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2020
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng áp dụng

1. Quy định này hướng dẫn việc quản lý, phát triển, quy hoạch các đô thị, nông thôn, các công trình hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật theo Quy hoạch xây dựng vùng huyện Đông Giang, giai đoạn đến năm 2020 và năm 2030 được duyệt.

2. Quy định này áp dụng đối với tất cả các tổ chức, cá nhân thực hiện việc quản lý quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn, quy hoạch khu chức năng và các dự án đầu tư xây dựng hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật cấp huyện.

3. Quy định này là cơ sở pháp lý để các cơ quan quản lý kiến trúc, quy hoạch xây dựng cấp tỉnh và huyện thực hiện chức năng quản lý quy hoạch, làm căn cứ để xác lập nhiệm vụ và nội dung quy hoạch đô thị, nông thôn, quy hoạch xây dựng các khu chức năng trên địa bàn huyện.

Điều 2. Nguyên tắc lập quy định quản lý

Quy định quản lý được lập trên cơ sở đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Đông Giang, giai đoạn đến năm 2020 và năm 2030 được UBND tỉnh phê duyệt và tuân thủ quy định tại Điều 9 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Phạm vi, ranh giới, quy mô dân số, đất đai vùng quản lý

1. Phạm vi ranh giới:

a) Phạm vi vùng quản lý: toàn bộ địa giới hành chính huyện Đông Giang. Tổng diện tích đất tự nhiên 821,85 km², với 11 đơn vị hành chính (10 xã và 01 thị trấn).

b) Ranh giới:

- Phía Bắc: giáp huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Phía Tây: giáp huyện Tây Giang;
- Phía Nam: giáp huyện Nam Giang và huyện Đại Lộc;
- Phía Đông: giáp huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

2. Quy mô dân số:

- Đến năm 2020: dân số đạt khoảng 25.968 người; trong đó, dân số đô thị khoảng 4.949 người, nông thôn khoảng 21.019 người. Tỷ lệ đô thị hóa khoảng 19,1%;

- Đến năm 2030: dân số đạt khoảng 30.841 người; trong đó, dân số đô thị khoảng 15.527 người, nông thôn khoảng 15.314 người. Tỷ lệ đô thị hóa khoảng 49,7%.

Điều 4. Quy định về các vùng phát triển, các không gian phát triển kinh tế**1. Quy định đối với vùng, không gian phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp:**

- Định hướng vùng, không gian phát triển công nghiệp trên địa bàn huyện theo quy hoạch phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh đến năm 2025, có xét đến năm 2035;

- Vùng phát triển công nghiệp của huyện gồm: Cụm công nghiệp thôn DhaMi (thôn Bốn cũ) tại xã Ba và Cụm công nghiệp A Sờ tại xã Mà Cooih;

- Các cụm công nghiệp được quản lý phù hợp với Đề án thành lập, quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp được phê duyệt và quy định hiện hành.

2. Quy định đối với vùng, không gian phát triển nông nghiệp:

a) Định hướng vùng, không gian phát triển nông nghiệp trên địa bàn huyện phù hợp với Chương trình hành động triển khai thực hiện Đề án “Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững”; Quy hoạch phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm tập trung trên địa bàn tỉnh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

b) Vùng, không gian phát triển nông nghiệp trên địa bàn huyện gồm:

- Vùng chuyên canh cây nguyên liệu, cây công nghiệp, cây ăn quả: vùng trồng rừng gỗ lớn; vùng trồng chè dây Ra Zéh; vùng cây dược liệu; vùng trồng chè xanh; vùng trồng mây nguyên liệu dưới tán rừng và các cây trồng có giá trị kinh tế khác; vùng nguyên liệu tre lấy măng dọc các bờ sông, suối; vùng sản xuất ớt A Riêu, xã Mà Cooih; vùng trồng Bòng Boong; các trang trại, gia trại trồng cây ăn quả;

- Cơ sở chăn nuôi tập trung: gồm các khu chăn nuôi gia trại, trang trại, khu nuôi trồng thủy sản.

3. Quy định đối với vùng, không gian phát triển thương mại - dịch vụ:

a) Định hướng vùng, không gian phát triển thương mại - dịch vụ trên địa bàn huyện theo Quy hoạch phát triển ngành thương mại tỉnh và chủ trương về phát triển du lịch tỉnh.

b) Vùng, không gian phát triển thương mại - dịch vụ trên địa bàn huyện gồm:

- Mạng lưới chợ: chợ Sông Vàng, chợ Praq, chợ Jơ Ngây, chợ A Sờ, chợ Kà Dăng.

- Du lịch:

+ Du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng: Khu du lịch sinh thái Công Trời Đông Giang; Khu du lịch lòng hồ thủy điện A Vương; Khu du lịch sinh thái suối khoáng nóng A Păng; Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng cao cấp Tây Bà Nà; Khu du lịch sinh thái Trường Sơn - Sông Bung;

+ Du lịch văn hóa cộng đồng: Khu du lịch cộng đồng thôn làng nghề Bhorông 1; Khu du lịch cộng đồng làng nghề Đhorông; Khu du lịch cộng đồng thôn Chờ Nét; phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn 11 xã, thị trấn tại những nơi có điều kiện.

- Các khu vực trung tâm xã đầu tư phát triển các cơ sở dịch vụ, lưu trú với vai trò là đầu mối, trung tâm mang tâm cỡ khu vực, phát triển các điểm thu mua, buôn bán nông lâm sản tạo thành chuỗi kết nối trong nội vùng với ngoài vùng.

- Tại các cụm công nghiệp phát triển hạ tầng thương mại bán lẻ phục vụ công nhân các cụm công nghiệp có khu nhà ở công nhân, các loại hình thương mại chủ yếu bao gồm: cửa hàng tiện lợi, khu dịch vụ tổng hợp. Bên cạnh đó, hình thành các hoạt động thương mại bán lẻ nội khu hoặc ngoại khu ở các dự án xây dựng khu dân cư, cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp.

- Tại các khu du lịch tập trung phát triển các loại hình hạ tầng thương mại đặc trưng phục vụ nhu cầu mua sắm của khách du lịch như: các khu ẩm thực, khu mua sắm quà lưu niệm và mặt hàng truyền thống, khu trưng bày và mua bán đặc sản của huyện Đông Giang.

Điều 5. Quy định về quản lý hệ thống đô thị và nông thôn

1. Quy định về quản lý hệ thống đô thị:

- Định hướng phát triển hệ thống đô thị trên địa bàn huyện theo Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh giai đoạn đến năm 2020 - 2030 và Chương trình phát triển đô thị của tỉnh;

- Đô thị Praq: là trung tâm hành chính - chính trị, kinh tế, văn hóa, có vai trò thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của huyện Đông Giang, là đô thị trung tâm cấp huyện. Phát triển đô thị theo hướng đa ngành, đa lĩnh vực, bao gồm: nông nghiệp, thương mại - dịch vụ;

- Đô thị Sông Vàng: là trung tâm kinh tế - xã hội của vùng Đông huyện. Phát triển đô thị theo hướng đa ngành, đa lĩnh vực, bao gồm: nông nghiệp, thương mại - dịch vụ. Định hướng đến năm 2030 đạt đô thị loại V.

2. Quy định về quản lý hệ thống nông thôn:

- Theo Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới;
- Tiếp tục xây dựng hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật các trung tâm xã theo đề án quy hoạch xây dựng nông thôn. Đầu tư sắp xếp bố trí dân cư, xây dựng các công trình phòng chống giảm nhẹ thiên tai, hoàn thành việc phát triển nhà ở kiên cố.

Điều 6. Quy định về các công trình hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội

1. Quy định về các công trình hạ tầng kỹ thuật:

a) Quy định quản lý cao độ san nền:

- San nền xây dựng công trình bố trí tại các vị trí thuận lợi, tránh những nơi có nguy cơ lũ quét, sạt lở, phải xác định cao độ san nền thiết kế cao hơn mực nước ngập.

- Cao độ không chế nền tối thiểu (Hxd) phải cao hơn mực nước tính toán (Htt) tối thiểu 0,3 m đối với đất dân dụng và 0,5 m đối với đất công nghiệp: $H_{xd} = H_{tt} + 0,3 \text{ m (0,5 m)}$.

- Đối với các khu vực đô thị:

+ Khu dân cư: cao độ tính toán $H_{tt} \geq H_p$, đô thị loại V tính toán với $P = 10$ năm (10%);

+ Khu sản xuất, cụm công nghiệp, kho tàng: cao độ tính toán $H_{tt} \geq H_p$; đô thị loại V tính toán với tần suất $P = 10$ năm (10%);

+ Khu cây xanh, thể dục thể thao: cao độ tính toán $H_{tt} \geq H_p$; đô thị loại V tính toán với tần suất $P = 2$ năm (50%).

- Đối với khu vực dân cư nông thôn:

+ Khu dân cư: cao độ xây dựng $H_{xd} \geq H_{\max TB}$ năm;

+ Công trình công cộng: cao độ xây dựng $H_{xd} \geq H_{\max} + 0,3 \text{ m}$.

b) Quy định quản lý thoát nước:

- Hướng thoát nước: từ Tây sang Đông theo các dòng chảy chính của các sông: sông Vàng, sông Kôn, sông A Vương và sông Bung. Khu vực đô thị, khu dân cư nông thôn thoát nước theo địa hình từng khu vực, hướng thoát nước chính ra các mương suối, sông tại khu vực;

- Xây dựng hệ thống thoát nước mặt trong khu vực đô thị, khu dân cư nông thôn, nạo vét, khơi thông các tuyến mương tiêu, các ao hồ tiêu nước trên địa bàn;

- Xây dựng hoàn thiện mương, cống thoát nước trên các tuyến giao thông huyết mạch.

c) Quy định quản lý công trình giao thông:

- Phát triển mạng lưới công trình giao thông theo hướng đồng bộ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu phát triển ngày càng cao của xã hội; phù hợp với Quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh Quảng Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

- Tập trung nguồn lực đầu tư xây dựng tuyến đường Hồ Chí Minh, đường Quốc lộ 14 G, đường ĐT 609 đoạn A Diêm - A Sờ đạt tiêu chuẩn đường cấp IV. Đầu tư xây dựng đường liên huyện từ thị trấn Prao - Trung tâm huyện Tây Giang, tuyến đường Za Hung - Trung tâm huyện Tây Giang.

d) Quy định quản lý công trình cấp nước:

- Phát triển hệ thống công trình cấp nước theo hướng đồng bộ, hiện đại, sử dụng hợp lý nguồn nước mặt, phù hợp với xu thế mới; phù hợp với Kế hoạch phát triển cấp nước năm 2018 và giai đoạn 2018 - 2020 trên địa bàn tỉnh;

- Tập trung đầu tư nâng cấp Nhà máy nước Prao đạt công suất 2.000 m³/ng.đ. Đầu tư xây dựng Nhà máy nước Sông Vàng công suất 1.500 m³/ng.đ, cấp nước cho đô thị Sông Vàng. Xây dựng các công trình nước sinh hoạt với quy mô liên thôn, liên xã phục vụ các khu trung tâm xã, thường xuyên tổ chức sửa chữa, nâng cấp các công trình nước sinh hoạt đã đầu tư xây dựng nhằm phục vụ nước sinh hoạt cho nhân dân.

e) Quy định quản lý công trình thủy lợi:

- Đầu tư xây dựng hoàn thiện hệ thống thủy lợi phục vụ sản xuất theo Quy hoạch nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện;

- Mạng lưới công trình thủy lợi theo Quy hoạch phát triển thủy lợi tỉnh.

g) Quy định quản lý công trình cấp điện:

- Phát triển hệ thống công trình cấp điện theo hướng đồng bộ, hiện đại đáp ứng yêu cầu điện sinh hoạt, sản xuất trên địa bàn huyện theo Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh;

- Đầu tư hoàn thiện lưới điện nhằm chuyển sang vận hành ở cấp điện áp 22kV, xây dựng 01 trạm 110/22kV Za Hung, công suất 2x25 MVA.

h) Quy định quản lý công trình thoát nước thải:

- Đối với khu vực đô thị Prao, Sông Vàng, trung tâm các xã, quản lý theo đồ án quy hoạch đô thị và quy hoạch nông thôn mới; đối với các khu dân cư nông thôn xây dựng hệ thống thoát nước thải riêng, kết hợp thoát nước thải sinh hoạt theo hệ thống mương thoát nước các tuyến giao thông;

- Đối với nước thải cụm công nghiệp: xây dựng hệ thống nước thải riêng và nước thải được xử lý đảm bảo yêu cầu trước khi thoát ra ngoài;

- Đối với nước thải y tế: xây dựng hệ thống xử lý nước thải cho Trung tâm y tế huyện, nước thải y tế được xử lý và khử trùng trước khi thải ra môi trường để đảm bảo vệ sinh;

- Đối với nước thải chăn nuôi tập trung: xây dựng bể biogas và ao sinh học để xử lý chất thải.

i) Quy định quản lý công trình xử lý chất thải rắn:

Đến năm 2030, đầu tư xây dựng Khu xử lý rác thị trấn Prao tại thôn A Xing, diện tích khoảng 03 ha; Khu xử lý rác Mà Cooih tại xã Mà Cooih, diện tích khoảng 05 ha; Khu xử lý rác Jơ Ngây tại xã Jơ Ngây, diện tích khoảng 05 ha.

k) Quy định quản lý công trình nghĩa trang:

- Đối với thị trấn Prao, tiếp tục xây dựng nghĩa trang nhân dân tập trung tại thôn A Xing. Đối với xã Ba, tiếp tục quy hoạch, đầu tư khu nghĩa trang nhân dân tập trung;

- Đối với các xã còn lại, đầu tư chỉnh trang các nghĩa trang hiện hữu theo định hướng mỗi thôn sau khi sáp nhập có một nghĩa trang nhân dân;

- Các công trình nghĩa trang phải đảm bảo khoảng cách cách ly. Tổ chức trồng cây bóng mát và sắp xếp các ngôi mộ theo hàng, lối, xây dựng các tuyến đường chính vào nghĩa trang và các tuyến nhánh trong nghĩa trang, xây dựng hệ thống thoát nước, hướng dẫn nhân dân thực hiện chôn cất đúng quy định.

2. Quy định về các công trình hạ tầng xã hội:

- Quy định về trung tâm hành chính: Trung tâm hành chính huyện Đông Giang được đặt tại đô thị Prao, là trung tâm hành chính - chính trị, kinh tế, văn hóa, có vai trò thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của huyện Đông Giang, là đô thị trung tâm cấp huyện.

- Quy định đối với mạng lưới công trình y tế:

- + Đầu tư và phát triển mạng lưới y tế từ huyện đến cơ sở theo hướng tiếp cận với y tế hiện đại, đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh của người dân;

- + Nâng cấp Trạm y tế xã Ba thành Trung tâm y tế tại đô thị Sông Vàng; Trạm y tế A Sờ thành Phòng khám đa khoa khu vực. Nâng cấp Trung tâm y tế huyện ngày càng hiện đại, đảm bảo các điều kiện khám chữa bệnh với kỹ thuật y học ngày càng cao, đáp ứng nhu cầu chăm sóc, chữa bệnh cho nhân dân, tiếp tục xây dựng các trạm y tế xã đạt chuẩn quốc gia theo tiêu chí xây dựng nông thôn mới.

- Quy định đối với mạng lưới công trình giáo dục:

- + Xây dựng mạng lưới công trình giáo dục theo hướng đồng bộ, hiện đại, phù hợp với xu thế nhằm đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục, phù hợp với định hướng phát triển ngành giáo dục;

- + Tăng cường cơ sở vật chất cho các trường học đảm bảo nâng cao chất lượng dạy và học.

- Quy định đối với mạng lưới công trình văn hóa - thể thao:

Thực hiện đề án Bảo tồn và phát triển văn hóa Cotu huyện Đông Giang đến năm 2020. Tập trung xây dựng khu trung tâm văn hóa thể thao đa năng tại đô thị Praq, đô thị Sông Vàng, công viên văn hóa Cotu, bảo tàng huyện kết hợp với xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao trung tâm xã và xã hội hóa các công trình thể thao.

3. Quy định về các không gian cây xanh, mặt nước:

- Không gian cây xanh: trong quá trình xây dựng công trình hạ tầng kết hợp trồng cây cảnh quan trên các tuyến đường giao thông, công trình công cộng, khu công viên, nhà văn hóa, trụ sở cơ quan, đảm bảo tỷ lệ đất trồng cây xanh theo quy định, tạo ra môi trường xanh, mỹ quan;

- Không gian mặt nước: xây dựng hệ thống kè phòng chống xói lở, giữ được diện tích mặt nước trên các sông Vàng, sông A Vương, sông Kôn, suối Tà Lu, lòng hồ thủy điện, lòng hồ tự nhiên trong khu dân cư tạo cảnh quan sinh thái tự nhiên phục vụ nhu cầu phát triển du lịch.

Điều 7. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang an toàn đối với các công trình đầu mối, các công trình hạ tầng kỹ thuật chính theo tuyến mang tính chất vùng, liên vùng và các biện pháp bảo vệ môi trường.

1. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình giao thông:

- Quy định quỹ đất dành cho kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ: tỷ lệ quỹ đất giao thông đô thị so với đất xây dựng đô thị phải đảm bảo theo tiêu chí đô thị loại V;

- Phát triển mạng lưới giao thông phải đa dạng hóa các loại hình giao thông, chú trọng giao thông công cộng;

- Đối với đường bộ: tuân thủ hành lang an toàn đường bộ theo quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Quy chuẩn QCVN 07-4:2016/BXD - Công trình giao thông;

- Đối với đường thủy: tuân thủ hành lang bảo vệ luồng theo quy định của Luật Giao thông đường thủy nội địa và các quy định hiện hành.

2. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình cấp nước:

- Lựa chọn nguồn nước mặt từ các sông, suối cung cấp nước cho các nhà máy, nguồn nước mặt phải đảm bảo theo Quy chuẩn, Tiêu chuẩn lựa chọn nguồn nước mặt - nước ngầm phục vụ hệ thống cấp nước sinh hoạt, đảm bảo lượng nước sinh hoạt theo quy định;

- Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình cấp nước tuân thủ Quy chuẩn QCVN 07-1:2016/BXD - Công trình cấp nước;

- Quy định về vùng bảo vệ nhà máy, trạm cấp nước: đảm bảo phạm vi, khoảng cách tối thiểu với các công trình hạ tầng kỹ thuật khác theo quy định.

3. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình thoát nước:

- Tổ chức mạng lưới thoát nước phù hợp với điều kiện địa hình. Hệ thống thoát nước được chia thành nhiều nhánh để thoát ra các sông;

- Quản lý xây dựng hệ thống thoát nước: xây dựng hệ thống thoát nước thải hoàn chỉnh ở tất cả các khu vực xây dựng mới. Đối với hệ thống thoát nước cải tạo, tùy theo tình hình thực tế tận dụng tối đa hiệu quả của các công trình hiện có;

- Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình thoát nước tuân thủ Quy chuẩn Quốc gia QCVN 07-2-2016/BXD - Công trình thoát nước;

- Hành lang bảo vệ các công trình thủy lợi: theo quy định về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi.

4. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình cấp điện:

- Phạm vi bảo vệ, hành lang công trình cấp điện tuân thủ quy định ngành điện và Quy chuẩn QCVN 07-5-2016/BXD - Công trình cấp điện;

- Phát triển hệ thống cấp điện phải có khả năng đáp ứng nhu cầu trước mắt và đảm bảo dự phòng phát triển cho tương lai;

- Công trình cấp điện đảm bảo đạt thông số kỹ thuật an toàn theo quy định.

5. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình quản lý chất thải rắn:

- Quản lý chất thải rắn tuân thủ quy định về quản lý chất thải rắn và phế liệu;

- Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình rác thải tuân thủ các quy định tại Quy chuẩn QCVN 07-9:2016/BXD - Công trình quản lý chất thải rắn và nhà vệ sinh công cộng.

6. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình nghĩa trang:

- Quản lý hệ thống nghĩa trang tuân thủ quy định về xây dựng, quản lý và sử dụng nghĩa trang;

- Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình nghĩa trang tuân thủ các quy định tại Quy chuẩn QCVN 07-10:2016/BXD - Công trình nghĩa trang.

7. Biện pháp bảo vệ môi trường:

- Tuân thủ Luật Bảo vệ môi trường và các quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường; đánh giá môi trường chiến lược trong đồ án quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị;

- Thực hiện các biện pháp tổng thể giải quyết các vấn đề môi trường, bao gồm: biện pháp kiểm soát ô nhiễm nguồn nước, biện pháp kiểm soát ô nhiễm không khí, giảm thiểu tác động đến môi trường đất, biện pháp quản lý chất thải rắn;

- Khu vực đô thị: bảo vệ cảnh quan, cải thiện giao thông đô thị; giảm thiểu tác động do thay đổi sử dụng đất, nâng cao chất lượng môi trường. Kiểm soát ô nhiễm môi trường đô thị, xử lý triệt để các tác nhân gây ô nhiễm môi trường;

- Khu vực nông thôn: hạn chế tác động của biến đổi khí hậu, kiểm soát ô nhiễm, giảm nhẹ tác động do việc tái định cư, thay đổi sử dụng đất.

Điều 8. Quy định về bảo tồn các di sản thiên nhiên, các công trình kiến trúc có giá trị, khu danh lam thắng cảnh, khu di tích lịch sử, văn hóa

1. Quy định về bảo tồn các di sản thiên nhiên, khu danh lam thắng cảnh:

- Đối với hành lang các sông chính như sông Vàng, sông Kôn, sông A Vương và các suối tự nhiên trong khu vực quản lý theo quy định về lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước;

- Đối với các khu danh lam thắng cảnh trong khu vực như: Cổng trời Đông Giang, suối khoáng nóng A Păng, khu bảo tồn thiên nhiên Tây Bà Nà,... được khai thác theo hướng bảo tồn và tuân thủ theo quy hoạch chi tiết được duyệt và các quy định hiện hành.

2. Quy định về bảo tồn khu di tích lịch sử, văn hóa, các công trình kiến trúc có giá trị trong vùng:

- Thực hiện quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị khu di tích theo quy định;

- Di tích xếp hạng cấp tỉnh gồm: di tích lịch sử làng Đào (xã Sông Kôn), di tích lịch sử Bờ sông A Vương (xã Arooi), di tích Cột Buồm, di tích lịch sử Dốc Gọt (xã Mà Cooih).

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Tổ chức thực hiện

1. UBND huyện Đông Giang chịu trách nhiệm:

- Công bố công khai quy hoạch được duyệt; quản lý giám sát việc thực hiện quy hoạch xây dựng theo quy định;

- Xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện quy hoạch xây dựng phát triển đô thị, nông thôn, khu chức năng theo quy hoạch xây dựng vùng huyện được duyệt (quy định tại Điều 48, Luật Xây dựng, Điều 28 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng và các quy định điều chỉnh bổ sung). Trong đó lưu ý, xây dựng kế hoạch rà soát, điều chỉnh các quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết định kỳ theo quy định; đồng thời, lập kế hoạch và hướng dẫn UBND các xã thực hiện việc rà soát, điều chỉnh các hồ sơ quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới phù hợp theo định hướng quy hoạch xây

dựng vùng huyện đã duyệt;

- Phối hợp với các Sở, ngành liên quan đề xuất giải pháp quản lý triển khai thực hiện quy hoạch; lập kế hoạch đầu tư xây dựng, huy động nguồn vốn đầu tư để thực hiện các công trình hạ tầng kỹ thuật cấp huyện.

2. Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, đơn vị liên quan theo dõi, hướng dẫn UBND huyện Đông Giang quản lý Quy hoạch xây dựng vùng huyện Đông Giang được duyệt theo quy định.

3. Quy định này có giá trị và được thi hành kể từ ngày ký. Những quy định trước đây trái với quy định này đều bãi bỏ./.